

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt nội dung tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Quyết định số 4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 140/TTr-SVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 45 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt nội dung tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Có danh mục và nội dung quy trình kèm theo*).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

PHẦN I.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CỦA NGÀNH VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ÁP DỤNG TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO TRUNG ƯƠNG QUY ĐỊNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
	Lĩnh vực: Quảng cáo		
1	1.004639	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Lĩnh vực: Báo chí		
2	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Lĩnh vực: Xuất bản, In và Phát hành		
3	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Lĩnh vực: Du lịch		
5	2.001628	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	2.001622	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	1.003717	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	1.014144	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
9	1.003002	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Lĩnh vực: Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm			
10	1.001229	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	UBND cấp tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử			
11	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
12	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Lĩnh vực: Mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa			
13	1.003560	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
14	1.014464	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	UBND cấp tỉnh
Lĩnh vực: Thể dục, thể thao			
15	1.002445	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
16	1.002396	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	1.000953	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
18	1.000936	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
19	1.000920	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
20	1.001195	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
21	1.000904	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
22	1.000883	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
23	1.000863	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
24	1.000847	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
25	1.000830	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
26	1.000814	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
27	1.000644	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
28	1.000842	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
29	1.005163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
30	2.002188	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
31	1.000594	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
32	1.000560	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
33	1.000544	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
34	1.000518	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
35	1.000501	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
36	1.000485	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
37	1.001801	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
38	1.001500	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
39	1.005162	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
40	1.001517	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
41	1.001527	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
42	1.001056	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
	Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử		
43	1.013792	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	UBND cấp xã

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO ĐỊA PHƯƠNG QUY ĐỊNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
	Lĩnh vực: Du lịch		
1	1.011734	Hỗ trợ xây dựng trạm dừng chân du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	1.011735	Hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch mạo hiểm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch